TIỂU TỪ TÌNH THÁI PHỐI KẾT *THẤY MỒ, CHỚ BỘ, MÈN ƠI* CUỐI PHÁT NGÔN TRONG GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NAM BỘ

NGUYỄN MAI PHƯƠNG *

***Tóm tắt*:** Từ 2.500 phiếu ngữ liệu điều tra các cuộc thoại của người Nam Bộ dùng tiểu từ tình thái cuối phát ngôn, bài viết nêu kết quả khảo sát về số lượng, lượt dùng các tiểu từ tình thái phối kết "thấy mồ, chớ bộ, mèn ơi"; phân tích, miêu tả chỉ ra những đặc điểm chủ yếu về ngữ nghĩa và bối cảnh sử dụng các đơn vị này trong phương ngữ Nam Bộ. Từ đó rút ra một số nét sắc thái văn - hóa ngôn ngữ đặc trưng thể hiện qua giao tiếp của người Nam Bộ.

***Từ khóa*:** Tiểu từ tình thái, phối kết, toàn dân, phương ngữ, ý nghĩa.

***Abstract*:** Based on 2.500 questionnaires surveying conversations southern people' s conversations using modal "particles" at the end of utterances, the article presents the quantity, frequencies of each combination modal particles "*thấy mồ, chớ bộ, mèn ơi*"; used; analyzing and describing them to show their crucial semantic and contextual features in the Southern dialect. Therefore, resulting in several specific linguistic-cultural nuances manifested by Nam Bộ people' communication.

***Keywords*:** Modal particles, modal particle, people, local, meaning.

1. Dẫn nhập

Trong ngôn ngữ, để tạo sắc thái riêng cho mỗi phát ngôn ở từng ngữ cảnh giao tiếp cụ thể thì không thể không nhắc đến vai trò của các tiểu từ tình thái (TTTT) toàn dân và phương ngữ, đặc biệt là TTTT cuối phát ngôn, cho nên tìm hiểu ý nghĩa tình thái tiếng Việt, ngoài nghiên cứu TTTT toàn dân còn cần tìm hiểu ý nghĩa TTTT phương ngữ; điều này cần thiết không chỉ về ngôn ngữ mà còn cả mặt văn hóa, xã hội. Là yếu tố mang chức năng ngữ nghĩa và chức năng dụng học nên khi được dùng trong giao tiếp, TTTT phương ngữ là một trong các nhân tố thể hiện thói quen vùng miền, ý thức xã hội về giới, địa vị, tuổi tác, bối cảnh (gia đình hay xã hội),… của người giao tiếp. Quả thật, trong giao tiếp hằng ngày, người Nam Bộ nói riêng cũng như người Việt nói chung hầu như trong mọi hoàn cảnh đều có sử dụng tình thái từ, xem nó như một thành tố nói năng "không thể thiếu". Đặc biệt là tiểu từ tình thái. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin bàn về ý nghĩa tình thái của các TTTT phối kết "thấy mồ", "chớ bộ", "mèn ơi" cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ.

Giả thuyết thường thấy ở các tác giả đi trước về TTTT phối kết là:

(1) Coi các kết hợp như vậy là một đơn vị đặc ngữ (idiom) độc lập, trọn vẹn, có nghĩa riêng biệt, khác biệt với các kết hợp khác và khác biệt với bản thân các tiểu từ tình thái cấu tạo nên nó.

Gần đây, có người cho rằng:

(2) Coi các kết hợp này là các kết hợp có nguyên do ngữ nghĩa, theo đó mỗi tiểu từ tình thái có đóng góp riêng và giữa chúng có sự phân công chức năng, thể hiện ở tác động của chúng đối với nội dung mệnh đề và giữa chúng với nhau [3, tr.224]. Theo chúng tôi, TTTT phối kết có hai dạng; đó có thể là những tổ hợp

** NCS - Đại học Vinh, Nghệ An; Email:nguyenmaiphuong3399@gmail.com*

gồm các yếu tố tình thái kết hợp với nhau (kiểu như *thôi à, thôi mà, với nhé*) và cũng có thể là những cấu tạo gồm hai hoặc hơn hai yếu tố mà các yếu tố này nếu tách riêng thì có thể không có ý nghĩa tình thái (chẳng hạn yếu tố *vậy* trong các hợp *vậy đi, vậy hả*).

Chúng tôi đặt 3 TTTT cuối phát ngôn "chớ bộ", "thấy mồ", "mèn ơi" vào cả 2 giả thuyết trên để xem xét một cách cụ thể nghĩa của từng TTTT trong phát ngôn mà người Nam Bộ dùng là một chỉnh thể hay mỗi yếu tố trong đó có đóng góp, tác động riêng.

2. Đặc điểm sử dụng và ngữ nghĩa của TTTT phối kết "thấy mồ", "chớ bộ", "mèn ơi" được dùng cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ

Để khảo sát, chúng tôi thực hiện điền dã ở các tỉnh của Nam Bộ, gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Cần Thơ, Cà Mau, Bạc Liêu. Phương pháp: ghi âm, ghi chép, phát phiếu và làm biểu mẫu từ Google form. Đối tượng khảo sát thuộc những thành phần xã hội, giới tính, nghề nghiệp, độ tuổi khác nhau (thanh niên từ 18-39; trung niên 40-60; cao niên từ 60 trở lên)

Chúng tôi thu được kết quả khảo sát thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ sử dụng TTTT phối kết "thấy mồ", "chớ bộ", "mèn ơi" cuối phát ngôn trong giao triếp của người Nam Bộ

Theo thống kê 2.500 tham thoại rút ngẫu nhiên từ phiếu ghi 8.531 cuộc hội thoại của người Nam Bộ sử dụng TTTT cuối phát ngôn có 563 lượt sử dùng TTTT "chớ bộ", "thấy mồ", "mèn ơi". Trong đó, thấy mồ (224/563) chiếm 39,78%, chớ bộ (208/563) chiếm 36,94% còn lại là mèn ơi (131/563) chiếm 23,26%. Như vậy, chúng ta có thể thấy tần số sử dụng TTTT phối kết "thấy mồ", "chớ bộ", "mèn ơi" cuối phát ngôn cũng không ít trong giao tiếp hằng ngày của người phương Nam. Trong 3 TTTT phối kết này thì "thấy mồ" được sử dụng nhiều nhất, ít nhất là "mèn ơi".

2.1. Nghĩa của TTTT phối kết "thấy mồ", "chớ bộ", "mèn ơi" cuối phát ngôn trong giao triếp của người Nam Bộ

2.1.1. TTTT cuối phát ngôn "thấy mồ"

Hai yếu tố trong tổ hợp kết hợp chặt chẽ cố định có sẵn mang tính mặc định trong phát ngôn của người Nam Bộ. "Thấy mồ" có nghĩa: quá sức tưởng tượng, nhấn mạnh cảm xúc.

Xét phát ngôn:

- Nữ (trẻ): Tám, Tám, Tám coi đám bắp đó được không?

- Nữ (trung): Thôi, coi bộ thưa *thấy mồ.*

- Nữ (trẻ): Ủa, con thấy trái nào trái nấy bự *thấy mồ.*

- Nữ (trung): Mày nói dữ.

Trong hội thoại trên tiểu từ "thấy mồ" xuất hiện trong cả 2 phát ngôn và đều có nghĩa nhấn mạnh điều cá nhân muốn nói, nhưng ở phát ngôn "Thôi, coi bộ thưa *thấy mồ*" thì "thấy mồ" có nghĩa là chê, trong bụng không muốn mua đám bắp ấy hoặc không vừa ý với giá cả người bán (người trồng). Ngược lại phát ngôn "Ủa, con thấy trái nào trái nấy bự *thấy mồ*" thì "thấy mồ" ở đây lại là khen đám bắp có trái to, vừa với giá tiền, thực tế không đến độ thưa trái (ít trái) như lời chê của nữ (trung).

Tương tự "thấy mồ" có thể dùng với các hành vi khác nhau; nếu người nói "Đẹp *thấy mồ*", đó là khen còn "Xấu *thấy mồ*", đó là chê và "Mệt *thấy mồ*", đó là than.

"Mồ" ở đây theo ý chủ quan của chúng tôi thì có thể hiểu đó là *mồ* (mả). Để khen, chê hay than "thấy mồ", người Nam Bộ so sánh (những điều nói tới làm cho người nói như chết đi), hàm ý nhấn mạnh. TTTT được dùng như dùng

từ cực cấp. Do vậy, "thấy mồ" biểu thị ý nghĩa tình thái cảm xúc cao độ, không tưởng tượng vì sự tình lại thế.

2.1.2. TTTT cuối phát ngôn "chớ bộ"

Là tiểu từ có sự kết hợp của yếu tố biểu thị tình thái trong phát ngôn: "chớ", kết hợp với "bộ" tạo nên tiểu từ "chớ bộ". Chúng có ý nghĩa khẳng định hoặc phủ định điều gì đó mạnh hơn. Nghĩa của "chớ bộ" khác hoàn toàn với TTTT *chớ,* kết hợp này là "các kết hợp có nguyên do ngữ nghĩa, theo đó mỗi tiểu từ tình thái có đóng góp riêng và giữa chúng có sự phân công chức năng, thể hiện ở tầm tác động của chúng đối với nội dung mệnh đề và giữa chúng với nhau".

(2) - Nam (trung): Lẹ lẹ mợi, qua đám trâm bầu là tới.

- Nam (trung): Cái gì cũng từ từ, tao còn ghé quán bà Tư *chớ bộ.*

(3) - Nữ (lớn tuổi): Con xách khoai mì cân chưa

- Nữ (nhỏ tuổi): Ủa, con cân khoai mỡ *chớ bộ.*

Ở (2) *chớ bộ* là lời khẳng định, thời gian chạy ghe không thể nhanh hơn vì còn phải đi công việc khác, đó là ghé quán bà Tư lấy đồ cần thiết. *Chớ bộ* ở (3) là sự phủ định phát ngôn của người đối thoại.

2.1.3. TTTT cuối phát ngôn "mèn ơi"

"Mèn ơi" thể hiện sự ngạc nhiên (khen/chê) cao độ, không ngờ tới trước kết quả sự việc nào đó được nói đến,

(4) - Mận (nữ trung): cái giỏ này đương bàng nhuyễn đẹp ghê hen*, mèn ơi…*

- Bà Út (nữ trung): Ờ, tui lựa dữ lắm mới được một mớ bàng nhuyễn, xanh, không bị phèn ăn.

(5) - Thím 9 (nữ trung): Mèn đéc ơi, bây dìa hồi nào dậy?

- Nam (nhỏ tuổi): Dạ, con dìa hồi mơi.

- Thím 9 (nữ trung): Cha, nay cao lớn coi bộ giống cha mày dữ, *mèn ơi!*

Ở (4) "mèn ơi" biểu thị sự ngạc nhiên lẫn thán phục trước kết quả nhận xét, tìm ra nguyên nhân của cái giỏ bàng tại sao nó đẹp. (5) "mèn ơi" lại là lời khen và người nói khẳng định, đồng tình với cách nhìn của mình, nói với thái độ tự tin.

2.2. Sự khác biệt về cách dùng TTTT "thấy mồ", "chớ bộ", "mèn ơi" giữa nam - nữ trong giao tiếp của người nam Bộ

Xét trong 2.500 tham thoại ngẫu nhiên trong 8.531cuộc hội thoại của người Nam Bộ, chúng tôi thu được có 563 lượt sử dụng TTTT "thấy mồ", "chớ bộ", "mèn ơi". Tần số sử dụng giữa nam - nữ có sự khác biệt đã được thể hiện ở bảng sau:

TTTT	Nam		Nữ	
	Lượt dùng	%	Lượt dùng	%
Thấy mồ	62	11,01	162	28,77
Chớ bộ	57	10,12	151	26,82
Mèn ơi	38	6,74	93	16,51
Tổng	157	27,88	406	72,11
	563			100%

Bảng Tần số TTTT phối kết "thấy mồ", "chớ bộ", "mèn ơi" trong phát ngôn của nam/nữ

Nhìn vào bảng số liệu, chúng ta thấy 3 tổ hợp TTTT được nữ giới sử dụng nhiều hơn nam giới. Nam giới sử dụng 157/563, chiếm tỉ lệ 27,88%. Nữ giới sử dụng 406/563, chiếm tỉ lệ 72,11%.

Cụ thể: TTTT "thấy mồ" được nam giới sử dụng là: 62/11,01%, "chớ bộ": 57/10,12%, "mèn ơi": 38/6,74%. Nữ giới sử dụng TTTT "thấy mồ" 162/28,77%, "chớ bộ": 151/62,82%, "mèn ơi": 93/72,11%.

Theo khảo sát, chúng tôi thấy có một đặc điểm chung là khi dùng 3 TTTT này trong phạm vi giao tiếp gia đình, bạn bè cùng độ tuổi trong bối cảnh vui tươi phấn khởi thì giọng điệu kéo dài hơn, nhấn mạnh ở cuối phát ngôn. Nhưng trong tâm trạng khó chịu, không đồng tình thì giọng điệu ngắn, mạnh và ngắt dứt nhịp cuối phát ngôn rất nhanh.

Ngoài ra, sắc thái nghĩa cụ thể của các TTTT phối kết "chớ bộ", "thấy mồ", "mèn ơi" là còn phụ thuộc thái độ hợp tác hội thoại của

người nói trong hoàn cảnh nói năng khác nhau. Chẳng hạn:

(6) - Nam (thanh niên): Cô Út hôm nay mặc áo bà ba này đẹp nhôn.

- Nữ (trẻ): Đẹp gì anh ơi, xấu *thấy mồ.*

"Thấy mồ" ở phát ngôn này không còn là khen hay chê nữa mà nó lại là sự khẳng định. Vừa nghe qua ta cứ tưởng đấy dường như là phủ định. Nói xấu "thấy mồ" nhưng thái độ e ấp, mắc cỡ, đấy như vừa ý với lời khen của người nam kia. Nếu ở tham thoại (6) giọng nói của nữ ngắn hơn, mạnh hơn thì có thể hiểu theo nghĩa khác, bấy giờ sẽ không là mắc cỡ hay đồng ý sự việc mà lời từ chối khéo pha chút bực mình không đồng ý với cách nói của nam. Trong khi đó cũng với nội dung này nhưng đổi vai, nam giới không dùng *thấy mồ* ở cuối câu trả lời mà thường nói "Ờ, cũng đẹp" hay "Vậy hả" hay chỉ dùng TTTT đơn. Bởi thế nữ giới thường dùng TTTT rất linh hoạt, tùy hoàn cảnh cụ thể, tâm trạng mà sử dụng thích hợp.

TTTT "thấy mồ" được dùng nhiều ở phạm vi gia đình, người thân, cùng trang lứa. Trong gia đình, người hàng dưới vẫn có thể dùng "thấy mồ" khi giao tiếp với người hàng trên.

Nam giới ít sử dụng TTTT chứ không phải không dùng. Điều này cũng có thể hiểu rằng "phái mạnh" của người Nam Bộ cũng khá tình cảm, mềm mỏng trong cách nói hằng ngày. Tuy nhiên, giọng điệu sử dụng mạnh hơn, rõ hơn, ngắn hơn cách phát âm của "phái yếu". Chẳng hạn ở ví dụ (2), TTTT "chớ bộ" được dùng trong đối thoại giữa nam - nam. Tuy nhiên, để gây chú ý và có tính thuyết phục cao trong cách nói vòng vo, khi thể hiện ý do dự thì dùng giọng cao, còn khi thể hiện sự khẳng định thì giọng đi xuống như trong cuộc nói chuyện mà chúng tôi ghi nhận được:

(7) - Nam (trẻ): Bà Cá Bống kia, bà còn quấn quấn chi nữa, cái bành này hông làm nữa.

- Nữ (trẻ) (lớn giọng): Ờ, ờ, anh có ngon thì anh lên hỏi ổng cái vụ này coi, tui mắc làm 2 bành chỉ (chỉ xơ dừa) *chớ bộ.*

(8) - Nam *(trẻ)*: Hết mùa tôm này anh qua nhà bỏ rượu Tía Má nghen!

- Nữ (trẻ) (nhỏ giọng): Thì tui cũng chờ hết mùa tôm *chớ bộ.*

Trong tham thoại (7) *chớ bộ* được hiểu không phải là sự phủ định mà là ý do dự với việc mình đang làm có đúng hay không nên làm tiếp hay dừng lại. Nhưng ở (8) thì lại khẳng định, đồng ý rất duyên của cô gái về lời cầu hôn khéo léo của chàng trai.

Qua số liệu khảo sát của chúng tôi thì TTTT "mèn ơi" được nữ trung và nữ cao tuổi dùng khá nhiều trong phạm vi gia đình. "Mèn ơi" nghĩa không giống với thán từ "trời ơi" trong ngôn ngữ toàn dân. Khảo sát thực tế, TTTT phối kết cuối phát ngôn "mèn ơi" được giới chị em dùng nhiều ở chợ, mua bán hàng gánh như bánh xèo, bánh bột lọc,… hay trên những chiếc xuồng ba lá len lỏi trong kênh rạch. Đi dọc dòng kênh Thoại Ngọc Hầu - An Giang, trên cánh đồng Thốt Nốt nghe những câu thoại như câu chào buổi sáng của nông dân Nam Bộ: Giá lúa hỗm rày bình bình, thằng Bảy chạy đồng mờ con mắt, *mèn ơi*! Đấy là lời hỏi thăm chân tình, thiệt thà của bà con Nam Bộ. Lời thoại là lời chào hỏi dưới hình thức hỏi thăm, đồng cảm. Cũng nội dung này, nam giới không dùng *mèn ơi*. "Giá lúa hỗm rày bình bình, thằng Bảy chạy đồng mờ con mắt" hoặc dùng TTTT đơn như: "Giá lúa hỗm rày bình bình, thằng Bảy chạy đồng mờ con mắt *luôn*!".

3. Kết luận

Qua cứ liệu khảo sát điền dã trực tiếp các cuộc hội thoại tự nhiên của người Nam Bộ, bước đầu phân tích các TTTT phối kết "thấy mồ", "chớ bộ", "mèn ơi" được dùng cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ chúng ta thấy người Nam Bộ có thói quen sử dụng nhiều TTTT phối kết. Tuy nhiên, có sự khác biệt ít nhiều giữa nam và nữ trong dùng TTTT. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ các phát ngôn của nam có dùng TTTT phối kết thấp hơn so với nữ.

TTTT phối kết "thấy mồ", "chớ bộ", "mèn ơi"

thể hiện nét nghĩa khác nhau ở bối cảnh khác nhau và nghĩa của nó cũng khác nhau phụ thuộc vào tâm trang, bối cảnh của người giao tiếp. Sống tình cảm là nét bản chất của lối sống đã ăn sâu vào máu thịt của người Nam Bộ nên phát ngôn thường có yếu tố tình thái đứng cuối, điều đó đã trở thành thói quen giao tiếp rất tự nhiên của mọi người.

Xét theo loại phát ngôn, TTTT phối kết "thấy mồ", "chớ bộ", "mèn ơi" không dùng trong phát ngôn cầu khiến, nghi vấn (hỏi) mà chỉ dùng trong phát ngôn tường thuật. Vì thế, nó không thể hiện thái độ chủ quan cầu khiến, nghi vấn mà nó đứng cuối phát ngôn trong câu tường thuật thể hiện thái độ khẳng định, phủ định, bác bỏ hay thể hiện cảm xúc của chủ thể phát ngôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Lê Đông, Nguyễn Văn Hiệp, *Khái niệm tình thái trong ngôn ngữ học*, *Ngôn ngữ,* số 6-7, 2003.

[2] Nguyễn Văn Hiệp, *Hướng đến một cách miêu tả và phân loại các tiểu từ tình thái cuối câu tiếng Việt*, *Ngôn ngữ*, số 5, 2001.

[3] Nguyễn Văn Hiệp, *Cú pháp tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2014.

[4] Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012.

[5] Trịnh Cẩm Lan, *Biến thể ngữ pháp của một số tiểu từ tình thái cuối câu trong phương ngữ Nam Bộ*, *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 3, 2010.

[6] Đỗ Thị Kim Liên*, Giáo trình ngữ dụng học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.

[7] Phạm Hùng Việt, *Trợ từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.

⇒ *Tiếp theo trang 56* (**QUY CHIẾU VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN**)

Các công trình ngữ dụng - ngữ nghĩa học tính đến thời điểm hiện nay hầu hết dừng lại ở việc đưa ra khái niệm về quy chiếu, sở chỉ, đồng sở chỉ, đồng quy chiếu, hồi chỉ, khứ chỉ; nêu biểu thức quy chiếu, biểu thức sở chỉ -đồng sở chỉ; sau đó, minh họa lý thuyết về sự quy chiếu bằng các ngữ liệu trích dẫn từ tác phẩm văn học, sách, báo, tạp chí,…

3. Kết luận

Các vấn đề về *quy chiếu* (reference) trong tiếng Việt nói riêng và trong ngôn ngữ nói chung cần được nghiên cứu cụ thể và kỹ lưỡng bằng các lý thuyết chuyên ngành và liên ngành. Cụ thể, kết hợp những thành tựu nghiên cứu của ngữ nghĩa học, ngữ dụng học truyền thống với các ngành khoa học nhận thức/tri nhận; giúp chỉ ra các vùng không gian nhận thức trong tâm trí con người. Từ đó, chỉ ra những giải pháp "ngôn ngữ học" khả thi giúp chúng ta nhận thức được cơ chế của quy chiếu trong tâm trí con người trên cơ sở của ngôn ngữ học thần kinh, ngôn ngữ học tâm lý và ngôn ngữ học nhận thức (ngữ dụng học nhận thức).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Đỗ Hữu Châu, *Đại cương Ngôn ngữ học, Tập hai: Ngữ dụng học*, Nxb. Giáo dục, 2001.

[2] Nguyễn Thiện Giáp, *Dụng học Việt ngữ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004.

[3] Nguyễn Thiện Giáp, *Giáo trình Ngôn ngữ học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2008.

[4] Nguyễn Thiện Giáp, *Nghĩa học Việt ngữ*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2014.

[5] Nguyễn Thiện Giáp, *Từ điển khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2016.

[6] George Yule, *Dụng học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2003.

[7] Abbott Barbara, *Reference*, Oxford University Press, New York, 2010.

[8] Green Georgia M., *Pragmatics and Natural Language Understanding (Second Edition)*, LAddison Wesleyrence Erlbaum, New York, 1996.

[9] Horn Laurence R. & Ward Gregory, *The Handbook of Pragmatics,* Blackwell Publishing, New York, 2006.

[10] Powell George, *Language, Thought and Reference*, Palgrave Macmillan, 2010.

[11] Yule George, *Pragmatics*, Oxford University Press, London, 1996.